

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SAU 40 NĂM ĐỔI MỚI, GIẢI PHÁP ĐẾN 2030 VÀ TẦM NHÌN 2045

ĐẶNG NGUYỄN ANH*

Tóm tắt: Quán triệt chủ trương, quan điểm và đổi mới tư duy qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam, bài viết phân tích, đánh giá các thành tựu cũng như một số hạn chế trong việc thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội sau 40 năm đổi mới đất nước. Để góp phần hiện thực hóa mục tiêu Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và thu nhập cao vào năm 2045, cần đẩy mạnh thực hiện các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội, hiệu quả, kỷ cương theo Hiến pháp và pháp luật. Quản lý phát triển xã hội bền vững cần được bảo đảm vững chắc bằng thành quả của công cuộc đổi mới, để mọi người dân được tham gia và thụ hưởng các thành tựu đổi mới và phát triển đất nước. Bài viết đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Từ khóa: Đại hội Đảng, chính sách xã hội, quản lý phát triển xã hội, an sinh xã hội, Việt Nam.

Nhận bài: 20/5/2024

Gửi phản biện: 27/5/2024

Duyệt đăng: 15/6/2024

1. Mở đầu

Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực đem lại thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Chuyển đổi số và kinh tế số, xã hội số, văn hóa số trở thành xu thế lớn ở nhiều quốc gia. Thế giới đã và đang trải qua những biến đổi to lớn, diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, với quy mô, mức độ khác nhau làm gia tăng rủi ro đối với môi trường chính trị, kinh tế, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục diễn ra mạnh mẽ nhưng cũng đang đứng trước thách thức khi kinh tế thế giới lâm vào suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19 và xung đột giữa Nga và Ukraine. Những vấn đề về an ninh phi truyền thống như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh tài chính,

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... diễn biến nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu.

Ở Việt Nam, sau gần 40 năm đổi mới, vị thế, tiềm lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước. Đảng ta đã xác định: kinh tế, xã hội, môi trường là các trụ cột để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Quá trình đổi mới nhận thức về chính sách xã hội của Đảng ta là một bước tiến dài mang tính lịch sử trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, được lan toả và chuyển biến nhận thức rõ rệt trong hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội đã có bước chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang đảm bảo quyền an sinh của công dân” (Nguyễn Phú Trọng, 2021).

Bài viết xem xét sự phát triển tư duy lý luận sâu sắc của Đảng ta về quản lý phát triển xã hội gắn với thực hiện công bằng xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” và hiện thực hóa khát vọng một Việt Nam thịnh vượng, hùng cường.

2. Sự phát triển nhận thức, tư duy lý luận của Đảng về chính sách xã hội và phát triển xã hội gắn với thực hiện công bằng xã hội qua các kỳ đại hội

Đổi mới tư duy về chính sách xã hội được thể hiện rõ qua các chủ trương của mỗi kỳ đại hội. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) lần đầu tiên đề cập đến chính sách xã hội. “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội”. Đồng thời, Đảng ta đã nhận thức rõ vị trí, vai trò của nhân dân và các đoàn thể quần chúng đối với việc quản lý và thực hiện chính sách xã hội khi khẳng định phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, điều này đã thể hiện một bước phát triển mới so với tư duy trước đây về chủ thể quản lý phát triển xã hội.

Đại hội Đảng lần thứ VII (tháng 6/1991) tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của phát triển xã hội, vị trí, vai trò của chính sách xã hội và tiếp tục nhấn mạnh, gắn mục tiêu của chính sách xã hội trong mối quan hệ với chính sách kinh tế. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Đại hội nhấn mạnh: “Huy động mọi khả năng của nhà nước và của nhân dân, trung ương và địa phương để cùng nhau giải quyết các vấn đề của chính sách xã hội”. Cương lĩnh xây dựng đất nước (1991) trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng nêu rõ: Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh

phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tại Đại hội VII (tháng 1/1994), mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được xác định rõ ràng hơn: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển”. Cùng với chủ trương tăng cường các chính sách nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, vừa khuyến khích đầu tư để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, vừa hạn chế bất công xã hội, quan điểm có chính sách ưu đãi hợp lý về nhiều mặt để tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo được nhấn mạnh.

Đại hội VIII của Đảng (tháng 6/1996) tiếp tục nhấn mạnh: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển”. Đồng thời nêu rõ: “Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”.

Đại hội IX của Đảng (tháng 4/2001) khẳng định mục tiêu “Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ trong phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp. Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản”.

Đại hội X (tháng 4/2006) chủ trương “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, với các định hướng lớn về giải quyết những vấn đề xã hội. Đại hội chỉ rõ phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội phải tiếp tục được đặt trong mối quan hệ không tách rời với phát triển kinh tế và quản lý phát triển kinh tế.

Tại Đại hội XI (tháng 1/2011) Đảng ta khẳng định: “Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần”. Để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, các chính sách xã hội phải phù hợp với từng đối tượng, giai cấp, tầng lớp xã hội với sự tham gia và thụ hưởng của người dân trong các chính sách này.

Đại hội XII (tháng 1/2016) lần đầu tiên đưa ra quan điểm phát triển xã hội bền vững. Văn kiện Đại hội khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước”.

Tại Đại hội XIII (tháng 1/2021), quan điểm trên được làm rõ: “Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong

quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân”. Đại hội đã xác định phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội là một trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó nhấn mạnh: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Nghị quyết Đại hội XIII xác định phát triển xã hội bền vững, quản lý phát triển xã hội bền vững gồm:

(i) Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người.

(ii) Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội.

(iii) Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hoà.

Có thể nói kể từ khi thực hiện đường lối đổi mới, quan điểm của Đảng về chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội là một quá trình liên tục cập nhật, bổ sung và phát triển, từ chỗ giải quyết một số vấn đề bằng chính sách đơn lẻ đến hệ thống chính sách xã hội, từ quản lý xã hội, quản lý phát triển xã hội đến quản lý phát triển xã hội bền vững. Việc xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể phát triển xã hội bền vững; giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro.

Đầu tư thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội bền vững là đầu tư cho phát triển. Giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hoá, hợp tác công tư, nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng, huy động hợp lý nguồn lực tài chính từ xã hội để hiện thực hoá mục tiêu phát triển xã hội bền vững. Quản lý phát triển xã hội bền vững phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự giám sát thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết các vấn đề xã hội.

3. Thực trạng chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân từ năm 1986 tới nay

3.1. Thành tựu

- Hệ thống chính sách xã hội đã tạo nền tảng cho việc giải quyết các vấn đề xã hội trên cơ sở đề cao nhân tố con người, tôn trọng quyền con người; bảo đảm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; tạo tiền đề để người dân tham gia quản lý xã hội;

- Tập trung vào nhóm người có công và hỗ trợ người nghèo, phụ nữ, trẻ em và các nhóm đối tượng yếu thế khác trong xã hội. Chính sách ưu đãi người có công được quan tâm đặc biệt và thực hiện tốt, phong trào “đền ơn đáp nghĩa” được triển khai sâu rộng đem lại sự hài lòng đối với người có công, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đến nay, người có công và thân nhân, có trên 1,2 triệu người đang hưởng ưu đãi hàng tháng, cơ bản hỗ trợ dứt điểm đối với hộ người có công gặp khó khăn về nhà ở; 98,6% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn; giải quyết căn bản hồ sơ tồn đọng; thực hiện tốt quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính liệt sĩ, tu bổ, nâng cấp nghĩa trang và công trình ghi công liệt sĩ.

- Chính sách lao động - việc làm đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, kể cả trong giai đoạn nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng, đình trệ hay trong điều kiện bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19. Thể chế thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, trở thành giải pháp cơ bản tạo việc làm bền vững; tỷ lệ thất nghiệp chung ổn định. Công tác giảm nghèo là điểm sáng được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao; đời sống, thu nhập của người nghèo được cải thiện đáng kể.

Chính sách an sinh xã hội khẳng định vai trò là xương sống của hệ thống chính sách xã hội trong đảm bảo công bằng tiếp cận và thụ hưởng phúc lợi của người dân. Bảo hiểm xã hội từng bước khẳng định vai trò là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội. Chính sách trợ giúp xã hội mở rộng đối tượng, tăng mức hưởng. Trợ giúp xã hội đột xuất đã bao phủ các nhóm đối tượng, bảo đảm người dân được hỗ trợ kịp thời khi gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh, đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội. Đã cơ bản đảm bảo công bằng hơn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin cho người dân, góp phần từng bước đảm bảo cuộc sống an toàn và hạnh phúc của nhân dân. Đời sống của người nghèo, cận nghèo được cải thiện, có tài sản và được đảm bảo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, chủ động vươn lên thoát nghèo.

- Quyền an sinh xã hội của người dân cơ bản được đảm bảo tốt hơn, các chính sách xã hội hiện hành cơ bản đã đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân theo định hướng toàn dân. Các mục tiêu xã hội đã được lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; phát huy tốt hơn sự tham gia, ý chí vươn lên của người dân và các đối tượng; thu hút ngày càng nhiều hơn sự đóng góp của doanh nghiệp, các tổ chức tự nguyện và người dân vào các chương trình xã hội.

3.2. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những thành tựu nói trên, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội còn có những hạn chế, tồn tại sau đây:

- Một số mục tiêu cơ bản về xã hội không đạt được như kỳ vọng: (i) Năng suất lao động và chất lượng việc làm thấp, không bền vững; (ii) Mục tiêu xây dựng quan hệ lao động hài hòa còn khó khăn, thiếu cơ sở vững chắc để xây dựng quan hệ lao động lành mạnh

và bền vững; (iii) Tỷ lệ bao phủ của bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp còn thấp; (iv) Độ bao phủ của trợ giúp xã hội còn hạn chế, mức trợ giúp cơ bản hiện hành còn thấp; (v) Tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nước sạch theo tiêu chuẩn Quốc gia còn thấp; mục tiêu phát triển nhà ở xã hội còn xa mới đạt được.

- Mức sống và các chỉ tiêu phát triển giữa các nhóm dân cư, các địa bàn; giữa các nhóm xã hội có sự khác biệt rất lớn: (i) Chênh lệch về mức thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất của nhóm dân tộc thiểu số cao hơn so với nhóm Kinh/Hoa; (ii) Năm 2022, tỷ lệ nghèo của hộ dân tộc thiểu số còn rất cao (trên 35%); (iii) Nhóm dân tộc thiểu số có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn đáng kể và tỷ lệ hộ nghèo cao hơn nhiều so với nhóm Kinh/Hoa.

- Tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em chậm được cải thiện, nhất là trẻ em người dân tộc thiểu số. Bạo lực gia đình, bạo hành, đuối nước, xâm hại trẻ em diễn biến phức tạp, gây bức xúc xã hội; ô nhiễm môi trường gia tăng; tai nạn giao thông, cháy nổ luôn là hiểm họa rình rập trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó, bất bình đẳng gia tăng, nhất là bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Chênh lệch trong tiếp cận dịch vụ và thị trường giữa các vùng miền còn lớn, nhất là khu vực Tây Bắc và Tây Nguyên còn nhiều khó khăn.

- Chính sách xã hội thiếu tính bao trùm, chưa bao phủ hết đối tượng, chưa có sự tương trợ, kết nối của các trụ cột chính sách trong tổ chức thực hiện. Mặc dù tăng trưởng kinh tế liên tục trong nhiều năm, song đầu tư cho chính sách xã hội và phát triển xã hội chưa tương xứng. Chuẩn trợ cấp thấp so với nhu cầu sống tối thiểu và chậm điều chỉnh. Các trụ cột chính sách được thiết kế và triển khai thực hiện hầu hết theo ngành dọc, thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích khu vực ngoài nhà nước tham gia vào cung cấp dịch vụ công.

- Chương trình an sinh xã hội thiếu bền vững và bao trùm. Độ bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp, bảo hiểm tự nguyện chưa thực sự hấp dẫn người lao động tham gia; bảo hiểm xã hội chưa đến được lao động khu vực phi chính thức; tình trạng rút bảo hiểm một lần có xu hướng tăng; tình trạng một số doanh nghiệp chậm và trốn đóng bảo hiểm xã hội vẫn kéo dài; lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp vẫn còn diễn biến phức tạp.

- Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chồng chéo. Các chương trình/chính sách trợ giúp xã hội được thiết kế và quản lý bởi nhiều bộ/cơ quan khác nhau trong khi chưa có sự phối hợp chặt chẽ và lồng ghép giữa các chương trình. Quá trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức thực hiện chính sách xã hội còn chậm chạp. Cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia chưa được chia sẻ và liên thông giữa các bộ ngành, lĩnh vực. Các chính sách, chương trình trợ giúp khẩn cấp chưa ứng phó tốt với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, chưa có cơ chế điều phối để thích ứng với các biến động lớn như dịch bệnh trên diện rộng.

- Hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội, chăm sóc xã hội chậm được đổi mới theo hướng chuyên nghiệp hóa. Hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội chủ yếu là chăm sóc nội trú, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa quản lý theo trường hợp và chăm sóc, trợ giúp đối tượng tại gia đình, cộng đồng; năng lực của đội ngũ cán bộ còn yếu. Các dịch vụ công tác xã hội chưa được quan tâm và chưa trợ giúp hiệu quả cho những đối

tượng yếu thế. Đội ngũ cán bộ y tế, giáo viên thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Thiếu cơ chế để người dân tham gia khi xây dựng, triển khai và giám sát các nguồn lực chính sách. Thiết kế chính sách xã hội thường nhìn nhận người dân như là “đối tượng thụ hưởng” nên không phát huy tốt năng lực của người dân. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch chưa chủ động bắt đầu từ địa phương lên trung ương mà theo chiều ngược lại, trong khi tổ chức thực hiện lại tập trung ở cấp cơ sở. Trong khi đó, sự tham gia của các tổ chức xã hội, tổ chức thiện nguyện còn hạn chế, thiếu cơ chế phản hồi và hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý.

4. Nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Thứ nhất, cần nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội bền vững, để có thể phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo sức mạnh tổng hợp cho phát triển đất nước nói chung và phát triển xã hội nói riêng. Cần phải rành mạch giữa vai trò chức năng của nhà nước với vai trò chức năng của thị trường và xã hội. Thành công trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 đã khẳng định Việt Nam còn nhiều cơ hội và dư địa phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội để phát triển xã hội bền vững vì chúng ta có một thể chế chính trị cho phép, các chủ trương, đường lối, chính sách quan trọng của Đảng được thể chế hoá, cụ thể hoá nhanh chóng, kịp thời và triển khai đồng bộ, lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ, thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả cơ chế chính sách, pháp luật về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Cần tiếp tục cụ thể hoá mục tiêu, yêu cầu hoàn thiện thể chế với quan điểm: xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững. Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước trên cơ sở xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm; hiện đại hoá, số hoá các quy trình quản lý; hoàn thiện hệ thống các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành bảo đảm liên thông, chia sẻ và kết nối liên ngành, liên lĩnh vực.

Thứ ba, cần xây dựng hệ thống an sinh xã hội thích ứng linh hoạt, đảm bảo không để ai bị bỏ lại phía sau. Tiếp cận an sinh xã hội theo vòng đời và bao phủ toàn dân dựa trên cơ sở chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước và xã hội; giữa các cá nhân, các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thể hệ. Cần đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội đồng thời phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng (dịch vụ công tác xã hội, dịch vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, chăm sóc người cao tuổi), liên thông theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của các nhóm dân cư, nhất là hỗ trợ lao động thu nhập thấp, đối tượng yếu thế, công nhân khu công nghiệp và đồng bào các dân tộc thiểu số, giảm bất bình

đăng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường.

Thứ tư, hệ thống an sinh phải có khả năng phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro cho mọi người trong điều kiện phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát triển dịch vụ công tác xã hội và đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp; có giải pháp phù hợp ứng phó với già hóa dân số và mức sinh thấp. Tập trung huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho an sinh và phát triển xã hội bền vững trên cơ sở phân bổ nguồn lực phù hợp với khả năng của nền kinh tế và yêu cầu hiện thực hoá mục tiêu xã hội; trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực xã hội là quan trọng; tăng cường xã hội hoá và hợp tác công tư trong đáp ứng các mục tiêu xã hội.

Thứ năm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển xã hội; hoàn thiện mô hình tổ chức và phương thức quản lý phát triển xã hội, nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, truyền thống tốt đẹp tương thân, tương ái của dân tộc. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý phát triển xã hội bền vững; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội bền vững, gắn kết phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống nhân dân.

Thứ sáu, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hiện hiệu quả, thực chất quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý phát triển xã hội. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Bên cạnh đó, cần phát huy dân chủ và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân một cách thực chất, đi đôi với giữ vững kỷ cương sẽ tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi từ thành quả của sự phát triển, tạo ra những nền tảng vật chất, tinh thần, tri thức và văn hoá tốt đẹp cho những thế hệ mai sau.

5. Kết luận

Định hướng mục tiêu đến năm 2030, nước ta trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; và đến 2045 trở thành quốc gia phát triển, thuộc nhóm các nước có thu nhập cao. Để hiện thực các mục tiêu đó, cần đổi mới phương thức từ quản lý phát triển xã hội sang quản trị phát triển xã hội nhằm giải quyết các vấn đề xã hội một cách phù hợp, hiệu quả, nhằm thúc đẩy phát triển xã hội bền vững, công bằng, bao trùm, dựa trên ba trụ cột nhà nước - thị trường - các tổ chức xã hội và cá nhân. Đẩy mạnh phương thức quản trị số, ứng dụng công nghệ thông minh, trí tuệ nhân tạo trong sản xuất và đời sống. Xây dựng, phát triển, đồng bộ hóa và số hóa dữ liệu để bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, hạnh phúc của nhân dân, thực hiện phát triển xã hội bền vững ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1987. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Phú Trọng. 2021. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.